TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **10**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **bà Phan Thanh Hà**
Các Hội thẩm nhân dân: **bà Nguyễn Thị Tuyết Trang**
bà Nguyễn Thị Xuân Phương

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **bà Nguyễn Hà My** - *Cán bộ TAND quận H - Thành phố Hà Nội.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: **bà: Nguyễn Thùy Linh**- *Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:874/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm2019 về việc*"Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn:Anh Ngô Tiến Đ - sinh năm: 1974

HKTT: Số 134 đường P, phường N, quận H, Hà Nội.

Chỗ ở: Số 11, liền kề 5, khu tổng cục 5, đường Y, xã T, huyện T, Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh H - sinh năm: 1983

HKTT: Số 86, tổ 8, phường P, quận Đ,Hà Nội.

Tạm trú tại: P206 A13, tập thể ĐH K, phường Đ, quận H, Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13/9/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Ngô Tiến Đ trình bày:

Tôi và cô Phan Thị Thanh H lấy nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, thành phố Hà Nội ngày 17/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng một thời gian ngắn, đến năm 2016, chuyển về ở cùng bố, mẹ tôi tại số 11, liền kề 5, khu tổng cục 5, đường Y, xã T, huyện T,Hà Nội. Ngay sau

khi kết hôn, vợ chồng đã có mâu thuẫn, do chị H hỗn láo với bố mẹ tôi, tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không thay đổi mà còn tồi tệ hơn. Bản thân tôi đã tạo điều kiện cho chị H nhiều cơ hội nhưng chị H không hề thay đổi.

Đầu năm 2018 tôi đã làm đơn xin ly hôn, sau đó TAND thành phố Hà Nội bác yêu cầu xin ly hôn của tôi, để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn về đoàn tụ. Nhưng sau thời gian đó mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, từ khi tòa án bác đơn, chị H và con gái đã thuê nhà ra ở riêng từ đó đến nay, vợ chồng cũng từ đó sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tôi có thỉnh thoảng qua lại (đến trường con gái) để mua quà và cho cháu đi chơi. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn tôn trọng chị H, nên tôi cương quyết xin ly hôn.

- Về con chung: tôi và cô H có 01 con chung là Ngô Diệu M, sinh ngày 01/01/2015. Ly hôn, tôi đồng ý để cô H nuôi con chung, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000đ - 3.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung vợ chồng: tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C - 569.96 mua tháng 11/2015, cô H cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, đã yêu cầu tòa án định giá để chia theo quy định của pháp luật, tôi khẳng định đây là tài sản cá nhân của tôi, do tôi bỏ toàn bộ tiền cá nhân ra mua, cô H không có đóng góp nên tôi không đồng ý chia.

- Về nhà ở chung và công nợ chung: không có nhà ở chung và nợ chung, nên tôi không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Phan Thị Thanh Htrình bày:

Tôi và anh Ngô Tiến Đ lấy nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, Hà Nội, ngày 17/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 35/24, ngõ 295 đường B, quận H, Hà Nội, cuộc sống ban đầu rất hạnh phúc. Đến đầu tháng 3/2016, vợ chồng về ở chung với bố mẹ chồng tại số 11, liền kề 5, khu tổng cục 5, Bộ công an, đường Y, xã T, huyện T, Hà Nội.Thời gian sống chung với bố mẹ chồng thì giữa tôi và gia đình nhà chồng có những điều không hiểu nhau trong cách ứng xử và nuôi dạy cháu nội, tôi cũng khẳng định, trong cuộc sống chung với gia đình nhà chồng tôi không được khéo léo trong cách cư xử với mẹ chồng dẫn đến hai mẹ con không có sự thấu hiểu nhau. Tôi cho rằng giữa hai vợ chồng không hề có bất cứ mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì anh Đ nghe lời mẹ phàn nàn về cách cư xử của tôi với mẹ chồng trong sinh hoạt hàng ngày, chủ yếu là cách chăm sóc con, cháu giữa tôi và mẹ chồng, dẫn đến việc anh Đ xin ly hôn.

Năm 2018, anh Đ đã làm đơn xin ly hôn, sau đó TAND thành phố Hà Nội đã bác đơn xin ly hôn của anh Đ để tạo điều kiện cho vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc con chung. Nhưng sau khi Tòa án Hà Nội bác yêu cầu ly hôn của anh Đ, bố mẹ chồng tôi cùng gia đình nhà chồng họp và yêu cầu chúng tôi nên ra ở riêng để tránh va chạm căng thẳng với bố, mẹ chồng, để tạo điều kiện cho hai vợ chồng được cải thiện tình cảm. Chồng tôi cũng đã đồng ý và cùng nhau đi tìm nhà và thuê nhà, tuy nhiên, đến ngày chuyển đồ ra ngoài ở, anh Đ không đi cùng, tôi cho là ông bà tuổi đã già, sức khỏe kém nên anh Đ ở lại để chăm sóc. Từ tháng 10/2018, hai mẹ con tôi ở riêng. Vợ chồng không

có quan hệ tình cảm gì với nhau, thỉnh thoảng anh Đ có qua lại thăm con gái và qua lớp đón cháu đi chơi, chúng tôi cùng nhau đi ăn uống. Tết năm 2018, mẹ con tôi đã về để ăn Tết cùng chồng và gia đình nhà chồng, do sơ suất và thiếu sót nên tôi không gọi điện báo trước cho ông bà cũng như anh Đ, nhưng ông bà đã đuổi mẹ con tôi ra khỏi nhà, không cho ở lại. Tôi đã không được chồng và gia đình chồng tạo điều kiện cho vợ chồng tôi cải thiện tình cảm. Nay anh Đ tiếp tục làm đơn xin ly hôn, tôi thấy vợ chồng không hề có mâu thuẫn, tôi vẫn yêu thương anh Đ, con tôi còn đang nhỏ, tôi hy vọng thời gian sẽ giúp anh Đ mở lòng, suy nghĩ lại, tạo điều kiện cho tôi có thêm cơ hội khắc phục và thay đổi thiếu sót của bản thân cũng như hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nhà chồng, để cùng nhau chăm sóc con chung, tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là Ngô Diệu M, sinh ngày 01/01/2015. Nếu phải ly hôn, tôi xin được nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C-569.96, trường hợp nếu phải ly hôn đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ chung: không có, không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh Đ trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn tôn trọng nhau, đã hơn hai năm kể từ khi tòa án Hà Nội bác đơn xin ly hôn, chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô H.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là Ngô Diệu M, sinh ngày 01/01/2015. Ly hôn, tôi đồng ý để cô H nuôi con chung, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản gì chung. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C-569.96 mua tháng 11/2015, cô H cho rằng đây là tài sản chung vợ chồng, đã yêu cầu tòa án định giá để chia theo quy định của pháp luật. Tôi có ý kiến như sau: Đây là tài sản của cá nhân tôi, do tôi bỏ toàn bộ tiền cá nhân ra mua, cô H không đóng góp đồng nào nên tôi không đồng ý chia. Ngoài ra, chúng tôi không còn tài sản chung nào khác.

- Chị H trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, khẳng định vợ chồng không có mâu thuẫn, việc mâu thuẫn chủ yếu là từ phía mẹ chồng và chị trong việc chăm sóc cháu, chị vẫn còn tình cảm với anh Đ, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh Đ khai là đúng, trường hợp phải ly hôn, chị xin được nuôi con và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C-569.96, nếu phải ly hôn đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung và nhà ở chung: không có.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu ý kiến**: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử anh Đ được ly hôn chị H; giao con chung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Buộc anh Đcấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng; tài sản chung: Xác định chiếc xe ô tô BKS: 29C-569.96 được mua trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng, nên giao xe cho anh Đ sử dụng, anh Đ phải thanh toán cho chị H ½ giá trị tài sản là 437.400.000đ : 2 = 218.700.000đ; Về công nợ chung và nhà ở: không có, không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: anh Đ và chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Tiến Đ và chị Phan Thị Thanh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận H, Hà Nội, ngày 17/10/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Hiện chị H đang cư trú tại: P206 A13, tập thể ĐH K, phường Đ, quận H, Hà Nội (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo anh chị trình bày thì vợ chồng thực sự có mâu thuẫn, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn qua lời trình bày và quan điểm của chị H cho thấy mâu thuẫn chủ yếu là do cách cư xử của chị H không khéo dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng trong sinh hoạt và nuôi dạy con chung của anh chị. Nhưng chị H cũng thừa nhận, từ khi TAND thành phố Hà Nội bác đơn xin ly hôn của anh Đ để tạo điều kiện cho vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc con chung thì anh Đ, bố mẹ chồng cùng gia đình nhà chồng họp và yêu cầu vợ chồng nên ra ở riêng để tránh va chạm căng thẳng với bố, mẹ chồng, để tạo điều kiện cho hai vợ chồng được cải thiện tình cảm. Tuy nhiên, anh Đ không đi cùng, từ tháng 10/2018, hai mẹ con chị H ở riêng. Từ đó, vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì với nhau, thỉnh thoảng anh Đ có qua lại thăm con gái và qua lớp đón cháu đi chơi. Chị H cũng thừa nhận, không được chồng và gia đình chồng tạo điều kiện để vợ chồng cải thiện tình cảm và chị cũng không có phương án nào để khắc phục mâu thuẫn trên. Như vậy, hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, hai bên không tìm được tiếng nói chung, có sự bất đồng về quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần phân tích để anh chị suy nghĩ, tạo điều kiện để anh chị về đoàn tụ song không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh Đ và chị H xác nhận có 01 con chung là cháu Ngô Diệu M (nữ), sinh ngày 01/01/2015. Chị Hxin được nuôi con chung, anh Đ đồng ý, nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị H về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chunglà phù hợp với quy định Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh Đ có quyền đi lại chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy: Về cấp dưỡng nuôi con chung thể hiện trách nhiệm của người làm cha, theo tài liệu do anh Đ cung cấp (xác nhận mức lương) là 14.527.000đ/tháng, anh Đ đã nộp cho tòa những chi phí sinh hoạt của cháu M, tuy nhiên anh còn phải cấp dưỡng cho 01 con riêng và bố mẹ già cũng như chi phí cá nhân nên buộc anh Đ phải cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng để chị H nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Vềtài sản chung: chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C - 569.96. Anh Đ khai: là tài sản riêng, do anh tự bỏ tiền ra mua, chị H không đóng góp đồng nào nên anh không đồng ý chia; chị H khai: đây là tài sản mua trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Đ, nên đề nghị tòa chia theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản định giá ngày 06/3/2020, giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C - 569.96 là: **437.400.000đ***(bốn trăm ba bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Hội đồng xét xử thấy: Theo tài liệu có trong hồ sơ do anh Đ giao nộp thì chiếc xe ô tô trên được mua ngày 11/11/2015 (hợp đồng mua bán xe ô tô), đứng tên anh Ngô Tiến Đ (chứng nhận đăng ký xe ô tô), thì chiếc xe được mua trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Đ và chị H, cả hai đều không xuất trình được tài liệu thể hiện mức đóng góp khi mua xe, nên căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, chiếc xe được chia đôi, nhưng chia theo giá trị. Do anh Đ đang đứng tên và đang quản lý sử dụng, nên Hội đồng xét xử giao anh Đ sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C - 569.96, có giá trị 437.400.000đ và buộc anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị H ½ giá trị tài sản là 437.400.000đ : 2 = 218.700.000đ.

Về nhà đất và công nợ chung: các bên đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Kể từ khi có đơn thi hành án, nếu ng- ời phải thi hành án không thi hành khoản tiền trả thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà n- ớc Việt nam quy định đối vơí khoản tiền ch- a thi hành xong t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành.

Về án phí:anh Đphải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và 10.935.000đ án phí có giá ngạch; chị H phải chịu 10.935.000đ án phí dân sự có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đ, nay chị H còn phải nộp tiếp 3.435.000đ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về "án phí và lệ phí Tòa án" và Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về kháng cáo:Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 điều 28, điều 35, 39, 147, 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận đơn ly hôn của anh Ngô Tiến Đđối với chị Phan Thị Thanh H. Anh Ngô Tiến Đ được ly hôn chị Phan Thị Thanh H.

2/ Về con chung:Xác nhận anh Đ và chị Hcó 01 con chung là cháuNgô Diệu M, sinh ngày 01/01/2015. Giao conchung của anh chị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Ngô Diệu M đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Giao anh Đ sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet (bán tải) BKS: 29C - 569.96.Buộc anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị H ½ giá trị tài sản là 437.400.000đ : 2 = 218.700.000đ.

Kể từ khi có đơn thi hành án, nếu ng- ời phải thi hành án không thi hành khoản tiền trả thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà n- ớc Việt Nam quy định đối vơí khoản tiền ch- a thi hành xong t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành.

4/ Về nhà đất chung và công nợ chung:anh Đ và chị H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

5/ Về án phí:

- Anh Ngô Tiến Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/09169 ngày 18/9/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Anh Đ còn phải nộp 10.935.000đ án phí có giá ngạch.

-Chị H phải nộp 10.935.000đ án phí có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 7.500.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/03349 ngày 20/02/2020 của chi cục Thi hành án dân sự quận H, chị H còn phải nộp tiếp 3.435.000đ.

6/ Về quyền kháng cáo: anh Đ và chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H
- Chi cục THADS quận H;
- UBND quận H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phan Thanh Hà